

Nâng cao chỉ số cạnh tranh của ngành du lịch và lữ hành Việt Nam

PHÙNG THANH BÌNH

Sử dụng bảng chỉ số cạnh tranh du lịch vàữ hành, bài viết trình bày thực trạng và phân tích những thách thức lớn ảnh hưởng đến chỉ số cạnh tranh du lịch vàữ hành của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu hỗ trợ những nhà hoạch định chính sách, các tổ chức hữu quan cho những quyết định liên quan đến khai thác những tiềm năng của du lịch vàữ hành Việt Nam.

Từ khóa: chỉ số cạnh tranh ngành, chỉ số cạnh tranh du lịch, du lịchữ hành Việt Nam.

1. Giới thiệu

Trong những năm qua, ngành du lịch vàữ hành đã trở thành một trong những ngành mũi nhọn trên thế giới, có nhiều đóng góp tích cực, tạo nên sự khác biệt cho cuộc sống của hàng triệu người bằng cách thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các quốc gia, tạo việc làm, giảm đói nghèo và sự thịnh vượng toàn cầu. Ngành du lịch vàữ hành thế giới tiếp tục phục hồi, tăng trưởng và hoạt động tốt hơn khi đối mặt với sự bất ổn địa chính trị toàn cầu và biến động kinh tế (Diễn đàn Kinh tế thế giới, 2015). Bên cạnh những đóng góp tích cực từ ngành du lịch vàữ hành, sự phát triển của ngành cũng mang lại những vấn đề toàn cầu như: tính hiệu quả của nguồn tài nguyên, ô nhiễm môi trường, đe dọa phát triển bền vững và sự thay đổi khí hậu.

Năm 2017, ngành du lịch vàữ hành Việt Nam tiếp tục đạt được những thành tựu lớn, gần 13 triệu du khách quốc tế đến Việt Nam, tăng 30% so với năm 2016. Tổng thu từ khách du lịch quốc tế đạt được 7.350 triệu USD, đóng góp trực tiếp của ngành du lịch là 6,6% GDP. Hệ thống doanh nghiệp du lịch ngày càng phát triển với gần 2000 doanh nghiệpữ hành quốc tế với hơn 25.600 cơ sở lưu trú du lịch. Đội ngũ hướng dẫn viên du lịch tăng cả về số lượng và chất lượng với hơn 21.000 người được cấp thẻ, trong đó có gần 13.000 hướng dẫn viên du lịch quốc tế (Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch, 2018). Bên cạnh đó, Việt Nam được

bình chọn là “Điểm đến du lịch golf hấp dẫn nhất khu vực Châu Á-Thái Bình Dương năm 2017”, “Điểm đến đang nổi đối với du lịch sang trọng”. Với những thành tựu đạt được du lịch Việt Nam được xếp hạng 67 trên 136 nền kinh tế, tăng 7 bậc so với năm 2015 (Diễn đàn Kinh tế thế giới, 2017). Mặc dù vị trí xếp hạng ngành du lịch năm 2017 có tăng so với năm 2015, ngành du lịch vàữ hành Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề chính cần được cải thiện để khai thác các động lực tích cực và tiềm năng lớn của ngành du lịch vàữ hành Việt Nam (như: cơ sở hạ tầng du lịch, xây dựng thương hiệu, xúc tiến và tiếp thị, du lịch trách nhiệm và bền vững) và những hành động nghiêm ngặt hơn từ Chính phủ để duy trì và nâng cao chỉ số cạnh tranh du lịch.

Việc nghiên cứu và phân tích chi tiết các chỉ số cạnh tranh trong ngành du lịch vàữ hành nhằm mục đích tìm ra các giải pháp tăng chỉ số cạnh tranh của ngành, khai thác toàn diện tiềm năng du lịch Việt Nam là thực sự cần thiết.

2. Khung chỉ số cạnh tranh du lịch vàữ hành

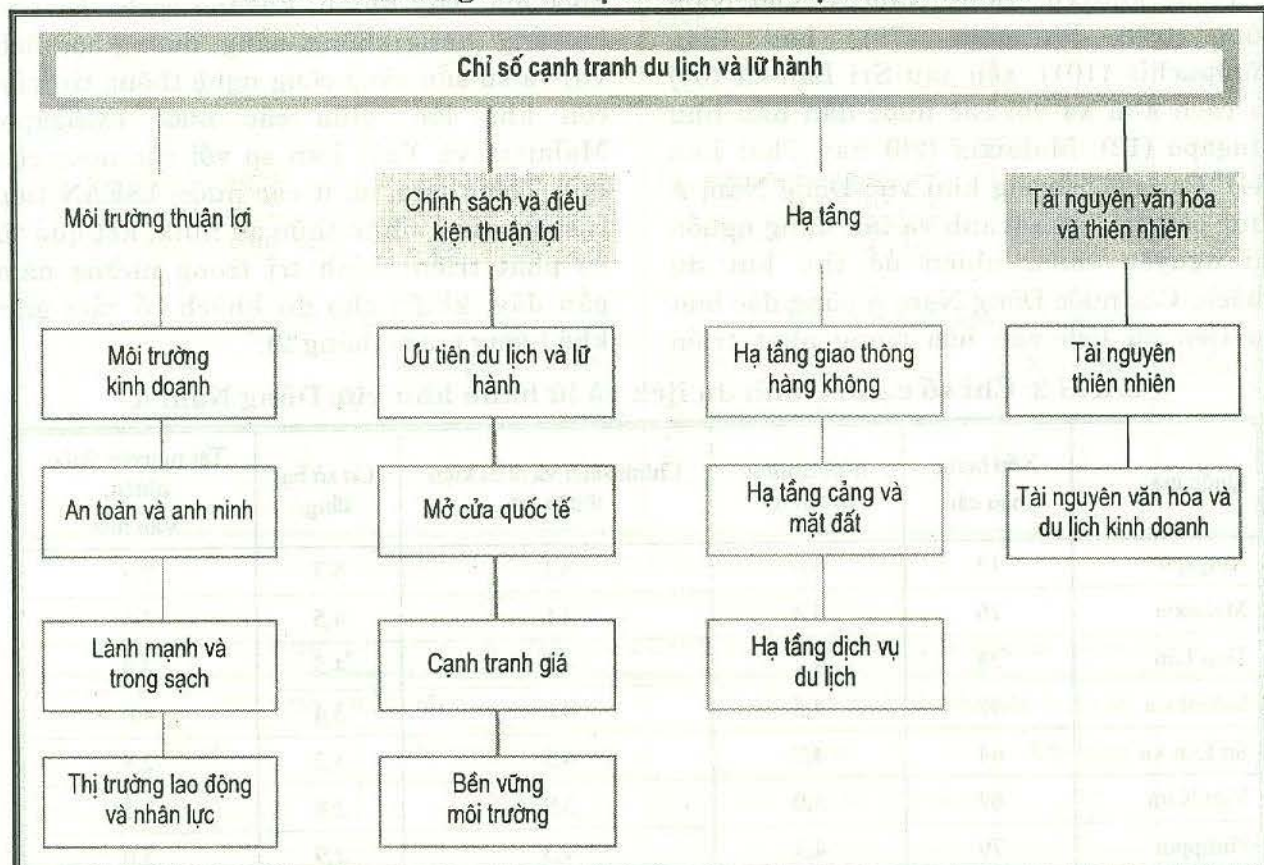
Báo cáo chỉ số cạnh tranh du lịch vàữ hành năm 2017 của Diễn đàn Kinh tế thế giới bao gồm hồ sơ chi tiết của 136 nền kinh tế trên thế giới. Chỉ số cạnh tranh du lịch và

Phùng Thanh Bình, TS., Trường đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh.

lữ hành bao gồm 4 mục chính (môi trường hoạt động, chính sách và điều kiện hoạt động, cơ sở hạ tầng, tài nguyên thiên nhiên và văn hóa) bao gồm 14 nhóm nhân tố với 90 chỉ số cụ thể được phân phối trong các nhóm nhân tố đó (hình 1). Đo lường chỉ số cạnh tranh của du lịch và lữ hành là một

thách thức lớn, nhưng rất cần thiết cho việc tìm kiếm sự đóng góp cho nền kinh tế (Diễn đàn Kinh tế thế giới, 2017). Lĩnh vực du lịch và lữ hành vẫn còn phân tán lớn so với các ngành công nghiệp khác, đa dạng, việc xử lý số liệu ở mỗi quốc gia có sự khác biệt nhất định.

HÌNH 1: Khung chỉ số cạnh tranh du lịch và lữ hành



Nguồn: Diễn đàn Kinh tế thế giới (2017).

Theo đó, Tây Ban Nha đứng đầu bảng xếp hạng chỉ số cạnh tranh du lịch và lữ hành, theo sau là Pháp, Đức, Nhật Bản. Châu Á-Thái Bình Dương đang nổi lên như một khu vực có sự cải thiện nhất trong cạnh tranh du lịch và lữ hành. Một số nền kinh tế phát triển mạnh trong những năm gần đây và nằm trong số 15 quốc gia có chỉ số cải thiện đáng kể là Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và Bhutan (Diễn đàn Kinh tế thế giới, 2015 và 2017).

3. Thực trạng du lịch và lữ hành Việt Nam thông qua Chỉ số cạnh tranh

du lịch

Việt Nam đã tăng 8 bậc vào năm 2017 so với năm 2015, xếp thứ 67 toàn cầu. Theo bảng 1, vị trí xếp hạng và điểm số của chỉ số cạnh tranh du lịch và lữ hành Việt Nam tăng lên qua các năm, so với năm năm 2011 tăng 13 bậc (Diễn đàn Kinh tế thế giới, 2017). Điều đó cho thấy, mặc dù ngành du lịch và lữ hành Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn và đối mặt với những thử thách, nhưng đã có sự cải thiện đáng kể qua các năm (điểm số qua các năm) so với các nền kinh tế trên thế giới (vị trí xếp hạng).

BẢNG 1: Xếp hạng và điểm cạnh tranh ngành du lịch và lữ hành Việt Nam

	Năm 2011	Năm 2013	Năm 2015	Năm 2017
Xếp hạng	80/139	80/140	74/141	67/136
Điểm số	3,7	3,95	3,6	3,8

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế thế giới các năm 2011, 2013, 2015, 2017.

Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng trên Philippin (79), Lào (94), Campuchia (101), xếp sau Sri Lan-ka (64) và cách khá xa với các nước dẫn đầu như Xingapo (13), Malaixia (26) hay Thái Lan (34). Các nước trong khu vực Đông Nam Á cung cấp giá cạnh tranh và tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên để thu hút du khách. Các nước Đông Nam Á cũng đặc biệt ưu tiên du lịch văn hóa trong phát triển

quốc gia. Tuy nhiên, khoảng cách về cơ sở hạ tầng (hàng không, cảng, đường bộ, dịch vụ) và sự sẵn sàng công nghệ thông tin vẫn còn khá lớn, giữa các nước (Xingapo, Malaixia và Thái Lan so với các nước còn lại). Thêm nữa, số ít các nước ASEAN tiếp tục suy giảm nhận thức an ninh, kết quả từ sự phát triển chính trị trong những năm gần đây, khiến cho du khách có cảm giác khó lường trước (bảng 2).

BẢNG 2: Chỉ số cạnh tranh du lịch và lữ hành khu vực Đông Nam Á

Quốc gia	Xếp hạng toàn cầu	Môi trường thuận lợi	Chính sách và điều kiện thuận lợi	Cơ sở hạ tầng	Tài nguyên thiên nhiên, Văn hóa
Xingapo	13	6,0	5,1	5,7	2,8
Malaixia	26	5,4	4,6	4,5	3,5
Thái Lan	34	4,7	4,5	4,5	3,8
Indônêxia	42	4,5	4,8	3,4	4,0
Sri Lan-ka	64	4,7	4,5	3,2	2,8
Việt Nam	67	5,0	3,9	2,8	3,5
Philippin	79	4,3	4,3	2,9	3,0
Lào	94	4,4	4,3	2,6	2,2
Campuchia	101	4,1	4,3	2,5	2,4

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế thế giới (2017).

Bảng 3 và 4 chỉ ra các nhân tố chính của cạnh tranh du lịch và lữ hành của Việt Nam năm 2017 và 2015. Yếu tố nguồn tài nguyên thiên nhiên (đứng thứ 34 tăng 6 bậc so với năm 2015), tài nguyên văn hóa (đứng thứ 30, tăng 3 bậc so với năm 2015) và sự cạnh tranh giá (đứng thứ 35, tăng 13 bậc so với năm 2015). Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể về nguồn nhân lực và thị trường lao động (đứng thứ 37, tăng 18 bậc so với năm

2015), lực lượng lao động chất lượng hơn (đứng thứ 53) và những quy định được giản hóa trong việc thuê nguồn nhân lực nước ngoài (đứng thứ 75). Đồng thời, Việt Nam cũng đã có những cải thiện đáng kể đối với công nghệ thông tin, cả về công suất và cách sử dụng (đứng thứ 80, tăng 17 bậc so với năm 2015). Trên 94% lãnh thổ Việt Nam được bao phủ 3G và sử dụng internet cá nhân đã tăng từ 44% lên 53% đã chỉ ra rằng sự thâm nhập

Nâng cao chỉ số cạnh tranh ...

của công nghệ thông tin đang duy trì tốc độ cao. Đồng thời, với sự phát triển kinh tế đang tăng, dẫn đến việc mở rộng các chuyến công

tác nghỉ dưỡng. Nhận thức về an toàn và an ninh, cũng khiến Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn để phát triển du lịch và lữ hành.

BẢNG 3: Tổng quan về 14 nhân tố chính của chỉ số cạnh tranh năm 2017

Môi trường thuận lợi			Chính sách và điều kiện thuận lợi		
Chỉ số	Xếp hạng	Điểm	Chỉ số	Xếp hạng	Điểm
Môi trường kinh doanh	68	4,4	Sự ưu tiên cho du lịch và lữ hành	101	4,0
An toàn và an ninh	57	5,6	Mở cửa quốc tế	73	3,0
Lành mạnh và trong sạch	82	5,0	Cạnh tranh giá	35	5,3
Thị trường lao động và nguồn nhân lực	37	4,9	Bền vững môi trường	129	3,4
Sự sẵn sàng về công nghệ thông tin	80	4,2			
Cơ sở hạ tầng			Tài nguyên thiên nhiên và văn hóa		
Chỉ số	Xếp hạng	Điểm	Chỉ số	Xếp hạng	Điểm
Hạ tầng hàng không	61	2,8	Tài nguyên thiên nhiên	34	4,0
Hạ tầng cảng và đường bộ	71	3,1	Tài nguyên văn hóa	30	3,0
Hạ tầng dịch vụ du khách	113	2,6			

Chú thích: Xếp hạng trên 136 quốc gia, điểm số từ 1-7.

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế thế giới (2017).

BẢNG 4: Tổng quan về 14 nhân tố chính của chỉ số cạnh tranh năm 2015

Môi trường thuận lợi			Chính sách và điều kiện thuận lợi		
Chỉ số	Xếp hạng	Điểm	Chỉ số	Xếp hạng	Điểm
Môi trường kinh doanh	66	4,45	Sự ưu tiên cho du lịch và lữ hành	119	3,73
An toàn và an ninh	75	5,31	Mở cửa quốc tế	89	2,68
Lành mạnh và trong sạch	83	4,99	Cạnh tranh giá	22	5,30
Thị trường lao động và nguồn nhân lực	55	4,68	Bền vững môi trường	132	3,16
Sự sẵn sàng về công nghệ thông tin	97	3,37			
Cơ sở hạ tầng			Tài nguyên thiên nhiên và văn hóa		
Chỉ số	Xếp hạng	Điểm	Chỉ số	Xếp hạng	Điểm
Hạ tầng hàng không	68	2,72	Tài nguyên thiên nhiên	40	3,61
Hạ tầng cảng và đường bộ	87	3,14	Tài nguyên văn hóa	33	2,79
Hạ tầng dịch vụ du khách	105	2,95			

Chú thích: Xếp hạng trên 141 quốc gia, điểm số từ 1-7.

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế thế giới (2017).

Tuy nhiên, báo cáo cũng đã chỉ ra rằng để tiếp tục nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành, Việt Nam nên tập trung vào phát triển môi trường bền vững (đứng thứ 129), quy định môi trường (đứng thứ 115), mức độ khí thải cao (thứ 128), phá rừng (thứ 103) và hạn chế xử lý nước (thứ 107), đang cạn kiệt môi trường và cần được giải quyết để xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững hơn của khu vực.

Thuận lợi và khó khăn của ngành du lịch và lữ hành Việt Nam

Việc phân tích thuận lợi và khó khăn của ngành du lịch và lữ hành Việt Nam dựa trên bảng xếp hạng chi tiết các chỉ số cạnh tranh của Diễn đàn kinh tế Việt Nam. Bảng 6 liệt kê những chỉ số thấp nhất và cao nhất trong từng hạng mục của chỉ số cạnh tranh du lịch và lữ hành Việt Nam 2017.

BẢNG 6: Chỉ số được xếp hạng thấp nhất và cao nhất trong từng hạng mục

Thấp nhất	Xếp hạng	Điểm*	Cao nhất	Xếp hạng	Điểm*
- Thời gian hoàn thành thủ tục, bắt đầu kinh doanh (ngày)	104	24	- Chi phí để giải quyết với giấy phép xây dựng (% chi phí xây dựng).	33	0,8
- Độ tin cậy dịch vụ cảnh sát.	81	4,2	- Tỷ lệ khủng bố	1	7,0
- Mức độ định hướng khách hàng	107	4,1	- Sự tham gia của nữ giới vào lực lượng lao động	23	0,92
- Chỉ tiêu chính phủ cho du lịch và lữ hành	116	38	- Ưu tiên của chính phủ cho ngành.	79	4,6
- Yêu cầu thị thực (0-100)	116	17	- Sự cởi mở của các thỏa thuận song phương về dịch vụ hàng không	40	13,1
- Thuế vé và phí sân bay (0-100)	70	74,4	- Mức giá nhiên liệu	35	91
- Tính nghiêm ngặt của các quy định về môi trường	128	17,4	- Áp lực đánh bắt ven bờ	68	0,2
- Mật độ sân bay (sân bay/triệu dân)	94	0,7	- Số ghế cung ứng trên 1 km, nội địa (triệu)	16	407,4
- Chất lượng hạ tầng du lịch	113	3,6	- Phòng khách sạn (số/100 người)	74	0,4
- Tổng khu vực được bảo tồn	111	6,5	- Nhu cầu kỹ thuật số cho du lịch thiên nhiên (0-100)	23	47
- Số lượng cuộc họp liên kết quốc tế	50	51,7	- Di sản văn hóa truyền miệng và phi vật thể	13	11

*Chú thích: *Điểm số theo thang điểm từ 1-7, trừ khi được chỉ định khác.*

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế thế giới (2017).

• **Thuận lợi**

Ngành du lịch và lữ hành được sự quan tâm của Chính phủ với định hướng phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, được quốc hội thông qua tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho du lịch Việt Nam phát triển, cải thiện với quy định

miễn thị thực cho công dân 5 nước Tây Âu, thành viên tổ máy bay các hàng hàng không nước ngoài, cấp visa điện tử (Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2018). Tất cả những thay đổi tích cực tạo đà thuận lợi để thúc đẩy ngành du lịch và lữ hành phát triển. Việt Nam là một trong số các quốc gia

được đánh giá cao về vấn đề ổn định của chính trị và an ninh.

Tài nguyên du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn đặc sắc, phong phú và lôi cuốn du khách với nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, danh lam thắng cảnh hùng vĩ, thời tiết khí hậu ưu đãi cho ngành du lịch và lữ hành Việt Nam.

Hệ thống vận tải du lịch đang được xã hội hóa mạnh và ngày càng kết nối rộng rãi đến các điểm đến trong và ngoài nước. Cơ sở hạ tầng đang được cải thiện với việc mở rộng và nâng cấp một số sân bay như sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, sân bay quốc tế Nội Bài, sân bay Cam Ranh, Phù Cát... Nhiều hãng hàng không quốc tế đã khai thác các đường bay thẳng đến Việt Nam. Giá nhiên liệu ở Việt Nam thấp thứ 35 trên thế giới nên có nhiều thuận lợi trong hệ thống vận tải du lịch. Đồng thời, nhiều dự án du lịch với các khu nghỉ dưỡng và khách sạn chất lượng cao được đầu tư ngày càng nhiều đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch nước nhà.

Ngày càng nhiều các hoạt động văn hóa, thể thao mang tầm quốc tế được tổ chức ở Việt Nam như Liên hoan ẩm thực quốc tế, giải quần vợt quốc tế đã thu hút lượng du khách quốc tế đến Việt Nam và quảng bá hình ảnh du lịch Việt Nam đến với thế giới.

• *Khó khăn*

Ngân sách quốc gia dành cho quảng bá xúc tiến là 2 triệu USD mỗi năm cho ngành du lịch còn hạn chế so với đặt mục tiêu đóng góp 10% vào GDP của ngành du lịch và lữ hành. Việc quảng bá du lịch còn dàn trải, kém hiệu quả và chưa gắn với các thị trường trọng điểm.

Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch vẫn còn lạc hậu, hệ thống dữ liệu du lịch vẫn chưa được đầu tư toàn diện và thái độ phục vụ khách du lịch còn thiếu chuyên nghiệp. Thuế vé và phí sân bay của Việt Nam nằm trong số những quốc gia cao nhất trên thế giới.

Mặc dù được đánh giá là một trong các nước ổn định chính trị trên thế giới với tỷ lệ khủng bố thấp nhất trên toàn cầu, Việt Nam vẫn còn tồn tại những vấn đề như gian lận với du khách trong mua bán hàng hóa và dịch vụ, du khách bị quấy rầy bởi người bán hàng rong, mức độ an toàn giao thông thấp, mức độ tin cậy đối với cảnh sát ở Việt Nam vẫn còn hạn chế. Việt Nam vẫn chưa nghiêm ngặt trong các quy định về môi trường nên việc xả rác bừa bãi, các công ty nhà máy thải chất thải chưa được xử lý, tàn phá môi trường ngày càng cao ảnh hưởng đến tài nguyên thiên nhiên, sự biến đổi khí hậu và sự phát triển bền vững của quốc gia.

Sản phẩm du lịch của Việt Nam vẫn còn đơn điệu và chưa mang tính đột phá, sáng tạo. Chất lượng dịch vụ còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách quốc tế. Công tác quảng bá, xúc tiến còn hạn chế, chưa thực sự khai thác nhu cầu thực tế của du khách, thiếu tính chuyên nghiệp và khoa học, cũng như nguồn tài chính cho các hoạt động còn nhiều hạn chế.

Số lượng và chất lượng của nguồn nhân lực trong ngành du lịch và lữ hành còn nhiều hạn chế so với các nước trong khu vực. Theo Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam, tính đến đầu năm 2016, ngành du lịch có 2,2 triệu lao động với hơn 600.000 lao động trực tiếp (Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam, 2017). Đồng thời, nguồn nhân lực do các cơ sở đào tạo cung cấp vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp. Điều này cho thấy tiềm năng nghề nghiệp trong ngành du lịch và lữ hành, nhưng cũng là một khó khăn trong đảm bảo chất lượng của ngành du lịch và lữ hành Việt Nam. Việc triển khai thỏa thuận lẫn nhau về nghề du lịch ASEAN còn nhiều vướng mắc.

Tổng khu vực được bảo tồn thấp nhất thế giới. Việc khó khăn trong việc bảo tồn các tài nguyên du lịch khiến cho tài nguyên bị ảnh hưởng, mất dần bản sắc và ảnh hưởng đến sức hút của du lịch.

Chính sách thị thực cho khách quốc tế đến Việt Nam vẫn chưa có sức cạnh tranh và hấp dẫn du lịch so với các quốc gia khác trong khu vực. Việt Nam chủ yếu áp dụng miễn thị thực 15 ngày, ít hơn thời gian lưu trú của khách quốc tế khi đến Việt Nam, quy định “mỗi lần nhập cảnh phải cách ngày xuất cảnh khỏi Việt Nam trước đó ít nhất 30 ngày” ảnh hưởng đến lượng khách đến Việt Nam. Ngoài ra, danh sách các nước được miễn thị thực được công bố theo từng năm và thời gian áp dụng từ 1-3 tháng gây khó khăn cho các doanh nghiệp du lịch Việt Nam.

4. Xu hướng phát triển ngành du lịch và lữ hành trong thời gian tới

Ngành du lịch và lữ hành trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng tiếp tục tăng trưởng nhanh, tạo ra nhiều công ăn việc làm trong nước, phát triển và hội nhập khu vực và quốc tế. Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế thế giới (2017) đã chỉ ra 8 xu hướng chính góp phần định hình ngành du lịch và lữ hành trong thời gian tới bao gồm:

Theo dự báo, du khách từ Trung Quốc và Ấn Độ sẽ chiếm một lượng lớn của du khách quốc tế và từ 2016-2026; 10 điểm đến phát triển nhanh nhất cho du lịch nghỉ dưỡng sẽ là Angola, Uganda, Brunây, Thái Lan, Trung Quốc, Mianma, Oman, Mozambic và Việt Nam. Đặc biệt, thế hệ sinh năm 2000 sẽ góp phần thay đổi mức độ chi tiêu trong ngành du lịch với lợi thế công nghệ và tinh thần thích khám phá.

Sự thay đổi lớn về các quy định về nhập cảnh ở mức độ hiệp định song phương, đa phương và khu vực; sự xuất hiện nhiều mô hình mới: du lịch thông minh (Smart Travel) với việc đề cập đến nhập cảnh thông minh (Smart Visas), biên giới thông minh (Smart Borders), an ninh thông minh (Smart Security) và hạ tầng thông minh (Smart Infrastructure) sẽ cách mạng hóa lĩnh vực du lịch và lữ hành.

Sự bất ổn địa chính trị trong trạng thái mới: việc nâng cao an ninh và an toàn cho

toàn bộ chuỗi giá trị du lịch thông qua công nghệ chia sẻ dữ liệu và sự hợp tác tốt hơn giữa các chính phủ, tổ chức quốc tế và tư nhân.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Báo cáo của WEF (2017) cũng đã chỉ rằng trong 10 năm tới, việc số hóa trong ngành hàng không, du lịch và lữ hành được mong đợi tạo ra 305 tỷ USD giá trị cho ngành công nghiệp. Việc này tạo ra các ứng dụng tiềm năng của công nghệ số hóa cho lực lượng lao động, cải thiện an toàn và an ninh, tiết kiệm thời gian cho các khách hàng.

Việc thu hút nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao là nhu cầu cấp thiết cho ngành ở các quốc gia muốn cải thiện năng lực cạnh tranh.

Sự bền vững là bắt buộc: việc đảm bảo bền vững dài hạn của ngành và đóng góp tích cực vào cuộc chiến thay đổi khí hậu. Các bên hữu quan cần chú ý đến việc sử dụng nước, chất thải, tiêu thụ năng lượng, sự xuống cấp của các di sản văn hóa và thiên nhiên.

Cơ sở hạ tầng đang biến thành “nút cổ chai”: sự đầu tư cơ sở hạ tầng cho ngành du lịch và lữ hành để đáp ứng nhu cầu và thị trường đang thay đổi với những đòi hỏi cao hơn.

Khung pháp lý cho thế kỷ XXI: nhằm đảm bảo cho ngành hàng không duy trì động lực của phát triển kinh tế, lộ trình quốc tế mới phải tuân thủ khung quản lý toàn cầu được tôn trọng bởi các bên tham gia mà không gây nguy hiểm đến vấn đề an ninh quốc gia.

5. Kết luận và gợi ý chính sách

Thứ nhất, bên cạnh việc định hướng ngành du lịch và lữ hành là một ngành mũi nhọn của Việt Nam, Chính phủ cần tăng ngân sách cho ngành du lịch và lữ hành, thúc đẩy xúc tiến, quảng bá du lịch với các chương trình phù hợp với từng thị trường trọng điểm. Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch một cách đồng bộ và

hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng nhiều về số lượng, và cao về chất lượng.

Thứ hai, Chính phủ nên đầu tư xây dựng hệ thống dữ liệu toàn diện, đầy đủ, cập nhật và có sự thống nhất giữa các cấp quản lý và giảm việc tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp với các cơ quan chức năng, giữa cơ quan chức năng với du khách, giúp tiết kiệm thời gian, tiền bạc cho các bên hữu quan. Chính phủ cần đầu tư và ứng dụng công nghệ nhằm cách mạng hóa lĩnh vực du lịch lõi hành và trong việc quản lý du lịch như mô hình cho du lịch thông minh.

Thứ ba, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang trong giai đoạn khởi phát và sẽ tác động đến các hoạt động kinh tế - xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và lõi hành. Việc xác định các ứng dụng tiềm năng của công nghệ số hóa cho lực lượng lao động, cải thiện an toàn và an ninh, tiết kiệm thời gian cho các khách hàng, đồng thời nhằm giảm chi phí quảng cáo, tiếp thị. Các doanh nghiệp du lịch và lõi hành phải xây dựng và số hóa các hoạt động nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu và tiến tới ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong ngành du lịch và lõi hành.

Thứ tư, Việt Nam cần có những chính sách thị thực, thời gian thông báo miễn thị thực, đẩy mạnh việc cấp thị thực điện tử, thời hạn lưu trú và khoảng cách các lần nhập cảnh thuận lợi hơn để thu hút lượng khách quốc tế du lịch nhiều hơn, lâu hơn và chi tiêu lớn hơn.

Thứ năm, cần phải có những chiến lược và các chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực có tay nghề, nhân lực quản lý có năng lực hội nhập trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ sáu, Chính phủ cần có những quy định nghiêm ngặt trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên du lịch, tài nguyên văn hóa để góp phần hạn chế hiệu ứng nhà kính và đảm bảo phát triển du lịch có trách nhiệm và bền vững.

Thứ bảy, thúc đẩy hội nghị, ký kết và thực hiện các hiệp định thỏa thuận hợp tác cấp

chính phủ, cấp ngành song phương, đa phương để góp phần đóng góp vào cơ chế hợp tác du lịch với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Thứ tám, xác định các phân đoạn thị trường mục tiêu và cân bằng cấu trúc khách hàng nhằm phát triển các sản phẩm du lịch mới, phong phú và hấp dẫn hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Economic Forum (2015), *The travel and tourism competitiveness report 2015*. Geneva, Switzerland: Crotti. R & Misrahi. T (editors), Trích xuất từ: http://www3.weforum.org/docs/TT15/WEF_Global_Travel&Tourism_Report_2015.pdf
2. Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch (2018), *Tự hào 58 năm du lịch Việt Nam: hành trình và mục tiêu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, https://bvhttdl.gov.vn/cac-lien-oan/-/asset_publisher/hoz4vtainAn9/content/tu-hao-58-nam-du-lich-viet-nam-hanh-trinh-va-muc-tieu-tro-thanh-nganh-kinh-te-mui-nhon
3. World Economic Forum (2017), *The travel and tourism competitiveness report 2017*, Geneva, Switzerland: Crotti. R & Misrahi. T (editors), http://www3.weforum.org/docs/WEF_TTCR_2017_web_0401.pdf.
4. World Economic Forum (2013), *The travel and tourism competitiveness report 2013*, Geneva, Switzerland: Blanke. J & Chiesa. T (editors), http://www3.weforum.org/docs/WEF_TT_Competitiveness_Report_2013.pdf.
5. World Economic Forum (2011), *The travel and tourism competitiveness report 2011*, Geneva, Switzerland: Blanke. J & Chiesa. T (editors), <http://www3.weforum.org/docs/TTCR11/>
6. Tổng cục Du lịch Việt Nam (2018), *Miễn thị thực 5 nước Châu Âu*, <http://vietnamtourism.gov.vn /2018/index.php/printer/17970>
7. Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam (2017), *Tình hình du lịch Việt Nam, cơ hội thách thức trong hội nhập quốc tế*, <http://www.itdr.org.vn/vi/nghiencuu-traodoi/1585-tinh-hinh-du-lich-viet-nam-co-hoi-thach-thuc-trong-hoi-nhap-quoc-te.html>
8. Planning for Tourism: Creating a Vibrant Singapore (2015), *Singapore: Center for Liveable Cities*, Truy cập ngày 9-3-2019, từ: <https://smartnet.niua.org/sites/default/files/resources/Plan-for-tourism.pdf>.

Ngày nhận bài: 15-03-2019
Ngày nhận bản sửa: 05-04-2019
Ngày duyệt đăng: 20-04-2019